

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 tháng 7 năm 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị D.

2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Trần Kim Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện TL - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn HN, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn ĐX, xã TP, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D1, sinh năm 1989; Nơi cư trú và ĐKKHKT: Thôn HN, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt: Chị D, vắng mặt anh D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/4/2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã TH, huyện TL đăng ký kết hôn ngày 25/02/2013. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xuyên xảy ra va chạm mâu thuẫn, căng thẳng

nhất vào khoảng tháng 02/2014 chị đã đưa con về sống cùng với bố mẹ đẻ tại thôn ĐX, xã TP, huyện TL được một thời gian thì anh D1 đến tìm vợ chồng lại chở về đoàn tụ, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên hơn. Đến đầu năm 2015 chị lại tiếp tục đưa con về sống cùng với bố mẹ đẻ, kể từ đó vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ cho đến nay, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa chị và anh D1 đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình D1.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 23/01/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu T1 do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung, hiện tại chị đang làm công nhân tại Công ty dệt Hà Nam, thu nhập mỗi tháng hơn sáu triệu đồng, bản thân anh D1 không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không có khả năng nuôi con. Chị không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Con nuôi, con riêng: Không có; hiện chị D không có thai nghén gì.

- Tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn khi ly hôn, chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 21/4/2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình D1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TL chứng nhận kết hôn như chị D trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng, cuộc sống vợ chồng tình cảm, hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị D có lối sống không lành mạnh, không chăm lo vun vén cho gia đình, anh đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị D không nghe dẫn đến vợ chồng va chạm, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Đến khoảng tháng 02/2014 chị D tự ý bế con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh đã đến tìm khuyên bảo chị D đưa con về vợ chồng chung sống nhưng tình cảm vẫn không cải thiện được, đến năm 2015 chị D lại đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh có vài lần đến thăm nom và khuyên vợ về đoàn tụ nhưng chị D không về. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Nay chị D khởi kiện ly hôn anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 23/01/2014. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh D1 đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh D1 xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ và gửi các quyết định, thông báo cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật; tuân thủ đúng thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và phiên tòa sơ thẩm. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, cụ thể vắng mặt tại các phiên tòa ngày 30/6/2017 và ngày 25/7/2017.

- Nội dung vụ án: Áp dụng Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Đình D1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 23/01/2014 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn. Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí sơ thẩm, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TL giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Đình D1. Theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL theo trình tự sơ thẩm.

- Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Đình D1 là hoàn toàn tự nguyện, thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, chị D, anh D1 sống hạnh phúc được một năm vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng

ngày dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, căng thẳng nhất vào đầu năm 2015 chị D đã đưa con về sinh sống cùng bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, điều này cả chị D và anh D1 đều thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định cuộc hôn nhân giữa chị D và anh D1 đã thực sự tan vỡ, không thể hàn gắn được và đề nghị được thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích nhưng chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh D1 vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Chị D, anh D1 có một con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 23/01/2014. Hiện cháu Huyền T1 đang do chị D nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị D, anh D1 đều có nguyện vọng được nuôi con, chị D xuất trình đơn xác nhận hiện chị đang làm công nhân tại Công ty dệt Hà Nam, thu nhập 6.120.000đ/tháng; anh D1 không xuất trình được tài liệu nào để chứng minh cho yêu cầu của mình. Sau khi xem xét yêu cầu và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng được nuôi con của chị D, anh D1 đều tự nguyện và chính đáng, tuy nhiên điều kiện để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị D tốt hơn anh D1, hơn nữa cháu Huyền T1 còn nhỏ mới trên 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, nên giao cháu T1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu giải quyết về con chung của chị D được Tòa án chấp nhận. Các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị D không có thai nghén gì.
- Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không đề nghị, nên Tòa không đề cập.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Đình D1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 23/01/2014 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc chị D, anh D1 có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Đình D1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TL theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 04180 ngày 11/4/2017.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đình D1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy